

Bản án: 101/2018/HC-PT

Ngày 20/4/2018

V/v: Khiếu kiện Hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2018/TLST-HC ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện Hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2018/HC-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 385/2018/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hà Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 18 đường K, khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo giấy uỷ quyền ngày 28/4/2017 (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M - Đại diện theo pháp luật ông Đặng Thanh M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. Ngày 12/4/2018 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Địa chỉ: Quốc lộ 55, Khu phố L, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Nguyễn Văn L - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn T và ông Nguyễn Văn Đ - là người đại diện ủy quyền của ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Ngày 18/12/1992, ông Hà Văn T mua của ông Nguyễn Đ một miếng đất rộng 22 m, dài 50m trên đất có một ngôi nhà, đất có tứ cận phía Bắc giáp Quốc lộ 23, phía Nam giáp nhà đất của ông BT, phía Đông giáp đất ông M và phía Tây giáp quán bánh ướt. Nguồn gốc đất do ông Huỳnh Văn S mua hóa giá nhà nước ngày 25/6/1988, cùng ngày ông S sang nhượng lại cho ông Đ toàn bộ đất và nhà, có xác nhận của UBND xã C ngày 09/7/1992.

Ngày 15/11/1997, ông T được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận (CNQSD) đất số L602923 diện tích 2.658 m² thuộc thửa 120, 121 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã C, loại đất trồng cây hàng năm. Đến năm 2007 theo số liệu bản đồ số hóa là thửa 120/642m², 121/1.693m², 500/368m² tờ bản đồ số 20, tổng diện tích 2.703m².

Ngày 26/10/2007, Nhà nước thu hồi 361m² thuộc thửa 500 để đầu tư xây dựng Công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 55.

Ngày 09/7/2015, ông T có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở gửi đến UBND huyện M để được xem xét giải quyết. Đến nay UBND huyện M vẫn chưa giải quyết hồ sơ cho ông T.

Ngày 28/4/2017, ông T khởi kiện yêu cầu UBND huyện M xác định lại diện tích đất ở 300m² thuộc thửa 120, 121 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã C cho ông T, vì 2 thửa đất này khi ông T sang nhượng của ông Đ từ năm 1992 đã có nhà ở từ năm 1988 và sử dụng liên tục đến nay theo khoản 2 Điều 59 Luật đất đai năm 2013.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện trình bày:

Ngày 15/11/1997, ông T được UBND huyện M cấp giấy CNQSD đất diện tích thuộc thửa đất số 120, 121 tờ bản đồ số 20 xã C, loại đất trồng cây hàng năm. Nay ông T có đơn đề nghị công nhận hạn mức đất ở thì thuộc trường hợp xác định lại diện tích đất ở.

Tại điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định đất ở theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai 2013. Tuy nhiên pháp luật chưa quy định về trình tự thủ tục thực hiện xác định lại diện tích đất ở, do đó tại thời điểm trên UBND huyện chưa trả lời đơn của ông T.

Ngày 06/01/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, tại khoản 47 Điều 2 quy định trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định thì thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị 43/2014, do đó UBND huyện M không có thẩm quyền này, vì vậy

UBND huyện M đã có Văn bản số 1322/UBND-VP ngày 29/3/2017 (*văn bản số 1322*) trả lời cho ông T là đúng quy định.

Ông T khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện về việc không xác định lại diện tích đất ở là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền ông T trình bày:

Ông T khởi kiện tuyên bố hành vi không giải quyết yêu cầu xác định lại diện tích đất ở là trái pháp luật và buộc UBND huyện M xác định lại đất ở cho ông T theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật đất đai năm 2013 thì khái niệm xác định lại đất ở thuộc nội hàm của khái niệm “Chuyển mục đích sử dụng đất” nên thuộc thẩm quyền của UBND huyện.

Khoản 47 Điều 2 Nghị định số 01/2017 chỉ là hướng dẫn thủ tục về việc xác định lại diện tích đất ở nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai nhưng cơ quan xác định lại đất ở là UBND huyện M theo khoản 2 Điều 59 Luật đất đai.

Ông T có đơn yêu cầu xác định lại đất ở từ năm 2015 trước khi Nghị định số 01/2017 có hiệu lực thi hành nên được áp dụng theo khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2017/HC-ST ngày 18-10-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ: Điều 8, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014 và khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn của ông Hà Văn T khởi kiện “Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện M về việc không xác định lại diện tích đất ở kèm Công văn số 1322/UBND-VP ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M”.

- Ông Hà Văn T có đủ điều kiện công nhận đất ở mà không phải nộp tiền sử dụng đất ở nằm trong diện tích đất 2.342m² tại ấp G, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ông Hà Văn T có quyền nộp hồ sơ xác định lại diện tích đất ở theo qui định tại khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/10/2017, ông Hà Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm số 49/2017/HCST ngày 18-10-2017 của Tòa án nhân dân

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện cho người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông Hà Văn T. Yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T, xác định lại diện tích đất ở 300m² thuộc thửa 120, 121 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã C cho ông T, vì 2 thửa đất này khi ông T sang nhượng của ông Đ từ năm 1992 đã có nhà ở từ năm 1988 và sử dụng liên tục đến nay. Ông T có đơn yêu cầu xác định lại đất ở từ năm 2015 trước khi Nghị định số 01/2017 có hiệu lực thi hành nên được áp dụng theo khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014.

Ông Đ cho rằng, án sơ thẩm tuyên: “Ông Hà Văn T có đủ điều kiện công nhận đất ở mà không phải nộp tiền sử dụng đất ở nằm trong diện tích đất 2.342m² tại ấp G, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ông Hà Văn T có quyền nộp hồ sơ xác định lại diện tích đất ở theo qui định tại khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ” nhưng khi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cũng không thực hiện.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Văn L trình bày: Không thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện cho người khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các chứng cứ có ở hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: “Ông Hà Văn T có đủ điều kiện công nhận đất ở mà không phải nộp tiền sử dụng đất ở nằm trong diện tích đất 2.342m² tại ấp G, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ông Hà Văn T có quyền nộp hồ sơ xác định lại diện tích đất ở theo qui định tại khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ”. Vì đã vượt quá thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết vụ án hành chính.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện:

Ngày 28/4/2017, ông Hà Văn T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với hành vi hành chính không xác định lại diện tích đất ở

theo yêu cầu ông Hà Văn T của Ủy ban nhân dân huyện M và Văn bản số 1322/UBND-VP ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M thuộc lĩnh vực quản lý đất đai là vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 18/12/1992 ông Hà Văn T mua của ông Nguyễn Đ một lô đất rộng 22 m, dài 50m trên đất có một ngôi nhà. Nguồn gốc đất ông Huỳnh Văn S mua hóa giá nhà nước ngày 25/6/1988, sau đó ông S sang nhượng lại cho ông Đoàn bộ đất và nhà, có xác nhận của UBND xã C ngày 09/7/1992.

Ngày 15/11/1997 ông T được UBND huyện M cấp giấy CNQSD đất số L602923 diện tích 2.658m² thuộc thửa 120, 121 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã C, loại đất trồng cây hàng năm. Ngày 09/7/2015 ông Hà Văn T có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở, tại thời điểm này pháp luật chưa quy định trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở nên UBND huyện M chưa giải quyết là đúng.

[3.2] Ngày 06/01/2017 Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ tại khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a quy định:

“Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định này thực hiện như sau:

1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại nơi nộp hồ sơ quy định tại Điều 60 của Nghị định này.

2. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận trước đây, nếu đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này thì trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã”.

Căn cứ quy định nêu trên, UBND huyện M có Văn bản số 1322/UBND-VP ngày 29/3/2017 về việc trả lời cho ông T là đúng quy định.

Ông T khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện về việc không xác định lại diện tích đất ở, hiện nay UBND huyện không có thẩm quyền giải quyết là đúng, án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện “Hành vi hành chính của UBND huyện M về việc không xác định lại diện tích đất ở” theo yêu cầu ông T là có căn cứ.

[3.3] Căn cứ Điều 103 Luật đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014, khoản 47 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, thì trình tự, thủ tục xác định lại đất ở, UBND huyện M ban hành Công văn số 1322 hướng dẫn ông T nộp hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại Bộ

phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện M hoặc xã C là đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[3.4] Việc ông Hà Văn T xin điều chỉnh đất ở là tùy thuộc vào hồ sơ, thời gian và giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Án sơ thẩm tuyên: “Ông Hà Văn T có đủ điều kiện công nhận đất ở mà không phải nộp tiền sử dụng đất ở nằm trong diện tích đất 2.342m² tại ấp G, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ông Hà Văn T có quyền nộp hồ sơ xác định lại diện tích đất ở theo qui định tại khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ”. Là đã vượt quá thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết vụ án hành chính.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông T phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí.

Xét kháng cáo của ông Hà Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là Nguyễn Văn Đ không có căn cứ chấp nhận, vì không phù hợp với nhận định trên. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông Hà Văn T không phải nộp, vì sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Hà Văn T và kháng cáo người đại diện theo ủy quyền của ông T là Nguyễn Văn Đ và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 8, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014 và khoản 47 Điều 2 bổ sung Điều 72a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Bác đơn của ông Hà Văn T khởi kiện “Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện M về việc không xác định lại diện tích đất ở, theo Công văn số 1322/UBND-VP ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M ”

Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hà Văn T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003488 ngày 06/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, ông Hà Văn T đã nộp xong.

- Án phí phúc thẩm: Trả ông Hà Văn T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003548 ngày 20/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (ông Nguyễn Văn Đ nộp thay).

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 14b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Văn Bình

